TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 – 8 – 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Trần Ngọc Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự

-*Nguyên đơn:* Bà PTTT, sinh năm 1986; thường trú: 33 ĐKT, tổ 2, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh T; tạm trú: 91/5 đường VP 38A, khu phố HL, phường VP, thành phố TA, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

-*Bị đơn:* Ông LMC, sinh năm 1982; thường trú: 33 ĐKT, tổ 2, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh T; tạm trú: 91/5 đường VP 38A, khu phố HL, phường VP, thành phố TA, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Tuyền trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vào ngày 01 tháng 3 năm 2008, theo giấy chứng nhận kết hôn số 20. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời

gian ngắn thì phát sinh nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà T xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là TLT1 sinh ngày 12/11/2008 và LTHM, sinh ngày 17/5/2015. Bà Tuyền yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông LMC không có ý kiến trình bày và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông LMC hiện đang cư trú tại địa chỉ 91/5 đường Vĩnh Phú 38A, khu phố Hòa Long, phường Vĩnh Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Cảnh đã được triệu tập hợp lê nhưng không tham gia tố tụng nên căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định, do đó hôn nhân của bà T và ông C là hợp pháp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày vợ chồng bất đồng qua điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân khoảng 03 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Ông C không có văn bản trình bày ý kiến xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ. Tòa án tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không rõ. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm

thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Ông bà đã có thời gian sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung là LTT1, sinh ngày 12/11/2008 và LTHM, sinh ngày 17/5/2015. Tòa án tiến hành lấy lời khai 02 con chung nhưng cháu T1 trình bày ý kiến trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu tự ra ngoài sống, cháu M không muốn sống xa ba mẹ. Ông C không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét giao 02 con chung cho bà T được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung, bà T không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà PTTT đối với bị đơn ông LMC.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà PTTT được ly hôn với ông LMC.

- Về con chung: Giao con chung LTT1, sinh ngày 12/11/2008 và LTHM, sinh ngày 17/5/2015 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 02 con chung, bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà PTTT phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004289 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS tp Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhâm